

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính
2. Ông Lê Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lý- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXX ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đức T - Sinh năm 1980

Địa chỉ: SN 32/3 T, phường P, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị O - Sinh năm 1988

Địa chỉ: SN 38 T, phường N, Tp Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: 02/768 N, phường P, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị O tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường P, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình anh tại SN 32/3 T, phường P, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh và chị O không hợp

nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Kể từ cuối năm 2020 chị O đã bế con dọn ra ngoài để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Trần Thiên T1 - Sinh ngày 03/10/2020, hiện nay cháu T1 đang ở cùng với chị O. Ly hôn, vì cháu T1 còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T1 T niên.

Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 10 tháng 12 năm 2021 và ngày 22 tháng 12 năm 2021 bị đơn chị Trịnh Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, chị O thống nhất như nội dung anh T trình bày. Chị cũng xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung và không thể tiếp tục chung sống. Anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị nên chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Thiên T1 - Sinh ngày 03/10/2020, hiện nay cháu T1 đang ở cùng với chị. Ly hôn, vì lý do công việc của chị là kinh doanh tự do, không có thời gian chăm sóc cháu T1, nên chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T1 thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trịnh Thị O theo quy định của pháp luật, nhưng chị O chỉ đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, sau đó chị O không đến Tòa án theo giấy tập.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Trần Đức T và chị Trịnh Thị O là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2020 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương được biết anh chị có hay lời qua tiếng lại, cãi vã lẫn nhau. Kể từ cuối năm 2020 anh T chị O đã sống ly thân, chị O cùng cháu T1 chuyển đi nơi khác sinh sống, còn anh T vẫn sinh sống tại địa phương.

Về con chung: Vợ chồng anh T chị O có một con chung là cháu Trần Thiên T1 – sinh ngày 03/10/2020. Về tài sản công nợ của anh T, chị O địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho cháu T1.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị O. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về phần con chung anh đồng ý với ý kiến của chị O và đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị O cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng

dân sự. Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Đức T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trịnh Thị O có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân T phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trịnh Thị O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Đức T, chị Trịnh Thị O kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu nhau, tin tưởng nhau và có trách nhiệm với nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của anh T, chị O, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh T, chị O sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chị O chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm, lối sống luôn trái ngược, nên chỉ sau vài tháng kết hôn chị O đã dọn ra ngoài để ở, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T chị O đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh T, chị O đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn chị Trịnh Thị O.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Trần Thiên T1 – sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay cháu T1 còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), tuy nhiên chị O là mẹ nhưng vì lý do công việc bận, không có thời gian để chăm sóc con nên chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu T1 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, bản thân anh T có việc làm và chỗ ở ổn định. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, anh Trần Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị O phải chịu án phí cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức T được ly hôn chị Trịnh Thị O.

Về con chung: Công nhận cháu Trần Thiên T1 – sinh ngày 03/10/2020 là con chung của anh Trần Đức T và chị Trịnh Thị O. Giao cháu T1 cho anh Trần Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trịnh Thị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu T1 T niên

Chị O có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Án phí: anh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, chị O phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001390 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Thanh Hóa.

Anh T quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND Phường P, TP Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ

Phạm Văn Hào

Nguyễn Thị Thương